

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **41/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/02/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2485/2020/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2021, giữa các đương sự:

- Ng đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 57, khu phố 4B, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Ông **Phạm Hồng Ng**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 57, khu phố 4B, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(*Bà Th có đơn xét xử vắng mặt; ông Ng vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ng kết hôn với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc, Nguyên nhân là do ông Ng không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, đánh đập bà nhiều lần. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ng .

Về con chung: Bà Th khai không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai bà và ông Ng không tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Phạm Hồng Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Phạm Hồng Ng; Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Th khai, bà và ông Ng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông Ng không lên Tòa làm việc nên không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung do đó không đặt ra xem xét, giải quyết nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác; Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hồng Ng. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Nguyễn Thị Th là Ng đơn còn ông Phạm Hồng Ng là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Hồng Ng có hộ khẩu thường trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hiện nay đang sinh sống tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Phạm Hồng Ng nhưng ông Ng không đến Toà làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như không đến Toà án tham gia xét xử; bà Th có đơn vắng mặt, căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà Th và ông Ng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Hồng Ng tự nguyện kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Được Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 quyền số 01 ngày 08/5/2014. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Ng không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, đánh đập bà nhiều lần. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ng. Xét yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo Biên bản xác minh tại Công an phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà ngày 27/11/2020 cung cấp: “ Quá trình chung sống tại địa phương thì vợ chồng bà Th, ông Ng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, ông Ng thường xuyên đánh đập bà Th, công an phường đã 02 lần lập biên bản làm việc nhắc nhở ông Ng, hoà giải hàn gắn vợ chồng”. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa bà Th và ông Ng là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng bà Th vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông Ng nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Phạm Hồng Ng.

- **Về con chung:** Không có.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Theo bà Th khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông Ng không lên Toà án làm việc nên không có ý kiến về các vấn đề này. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết, nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của bà Th phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Phạm Hồng Ng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Th khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông Ng không lên Tòa án làm việc nên không có ý kiến về các vấn đề này. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết, nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007266 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Hồng Ng vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh